TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2017
V/v ly hôn giữa chị Q và anh T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tâm

2. Bà Chu Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động *tham gia phiên toà:* Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp;

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và Gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Như Q**, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: **Vi Văn T**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là Nguyễn Như Q trình bày: Chị kết hôn với anh Vi Văn T trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại UBND thị trấn AC, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng

ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Từ vài năm gần đây anh T dấn thân vào con đường sử dụng và nghiện chất ma túy, mặc dù chị và gia đình đã kiên trì giúp đỡ để anh T cai nghiện nhưng không đạt được kết quả. Do nghiện ma túy nên anh T không chịu lao động, không quan tâm đến vợ, con; nhiều lần anh T gây sự chửi bới, xúc phạm, đe dọa và đánh chị. Đầu năm 2017 chị đã chuyển về gia đình bố mẹ đẻ chị ở, sống ly thân với anh T. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 1 con chung là cháu Vi Tâm Đ, sinh ngày 23/5/2011, hiện tại chị đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Sau khi ly hôn, chị Q đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Tại bản tự khai ngày 19/6/2017, bị đơn là Vi Văn T trình bày: Anh xác nhận chị Q trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng; anh xác định vợ chồng chung sống với nhau luôn hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2015 chị Q thi đỗ và đi làm giáo viên mầm non ở huyện L, đến năm 2016 chị Q đón con về bên ngoại ở để cho con đi học; cùng thời điểm đó thì bố đẻ chị Q ốm nặng nên anh cũng chuyển về gia đình vợ ở để tiện chăm sóc. Đầu năm 2017 bố chị Q chết, sau đó mẹ đẻ chị Q đối xử không tốt với anh nên anh đã chuyển về quê ở thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang sinh sống; kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Q xin ly hôn là do gia đình tác động, anh có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, anh không đồng ý ly hôn.

Anh T xác nhận vợ chồng có 1 con chung như chị Q trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh đồng ý cho chị Q nuôi dưỡng con, anh sẽ cấp dưỡng theo khả năng của anh.

Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản anh đồng ý.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Anh Vi Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Như Q và anh Vi Văn T được ly hôn nhau, giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, không ai được cản trở anh T quyền thăm nom con; chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Vi Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Như Q và anh Vi Văn T kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn AC, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp; chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Q yêu cầu ly hôn với lý do anh T nghiện ma túy, không chịu lao động, nhiều lần mắng chửi, xúc phạm, đe dọa và đánh chị. Anh T cũng thừa nhận bản thân anh có nghiện ma túy, nhưng hiện tại anh đang uống Methadon để cai dần. Chứng tỏ anh T có lối sống buông thả nên mới dấn thân vào con đường nghiện ma túy, dẫn đến không chịu lao động, khi thiếu tiền mua ma túy thì gây sự, chửi mắng, xúc phạm chị Q là có cơ sở; vì lý do đó mà hai người đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Như vậy, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Q và anh T đều xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Vi Tâm Đ, sinh ngày 23/5/2011, hiện tại chị Q đang nuôi con. Xét thấy chị Q đang nuôi con ổn định, đảm bảo cuộc sống, điều kiện ăn học cho con; anh T là người nghiện ma túy nên sẽ có nhiều hạn chế trong việc nuôi con; mặt khác anh T cũng bày tỏ ý kiến nếu ly hôn nhau thì đồng ý cho chị Q trực tiếp nuôi con. Vì vậy cần tiếp tục giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình. Do chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Q yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 6 và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Như Q và anh Vi Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Như Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Tâm Đ, sinh ngày 23/5/2011;

Anh Vi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Không ai được cản trở anh T quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Như Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/006804 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị Q không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thái

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND TT AC
- Lưu hồ sơ, VP.